

## GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT TIẾT KIỆM

*Áp dụng cho TP Cần Thơ*

<b>NẶC TRỌNG LƯỢNG (kg)</b>	<b>Đà Nẵng</b>	Quảng Nam	Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình	<b>Hà Nội</b>	Bắc Giang, Bắc Ninh, Hòa Bình, Hải Dương, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An, Vĩnh Phúc	Quảng Ninh, Hà Tĩnh	Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang
<b>45-70</b>	12,556	13,778	14,333	15,222	16,333	16,889	17,556
<b>71-100</b>	12,444	13,667	14,222	15,000	16,222	16,778	17,333
<b>101-200</b>	12,111	13,333	13,889	14,667	15,889	16,444	17,000
<b>201-500</b>	11,889	13,111	13,667	14,444	15,667	16,222	16,778
<b>&gt; 500</b>	11,556	12,667	13,333	14,111	15,333	15,889	16,444
<b>Thời gian</b>	n+1	n+1	n+2	n+2	n+2	n+2	n+3

**Phiên bản DF42**

### Ghi chú:

- Bảng giá trên chưa bao gồm 10% VAT và phụ phí nhiên liệu.
- Phụ phí vùng sâu, vùng xa: 30% cước chính
- Tổng cước dịch vụ = {[Cước dịch vụ cơ bản + Phụ phí vùng sâu vùng xa (nếu có)]\* PPNL] + DV gia tăng + DV đặc thù + Thu khác (nếu có)}\* VAT
- Mỗi vận đơn có thể có một hoặc nhiều kiện hàng. Tuy nhiên, mỗi kiện hàng không được vượt quá 80kg
- Không bảo hiểm đối với Hàng Đông lạnh, Hàng Dễ vỡ, Hàng Đặc biệt
- Chỉ tiêu thời gian trên chỉ áp dụng cho vận đơn có địa chỉ phát là trung tâm hành chính tỉnh. Nếu vận đơn nằm ngoài trung tâm hành chính tỉnh, chỉ tiêu thời gian được cộng thêm là 24 giờ.
- Khi gửi hàng, Khách hàng phải cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ như: phiếu xuất kho, hóa đơn...
- Trọng lượng quy đổi là  $Dài * Rộng * Cao (cm) / 6.000$